

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 4887/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 30-9-2024  
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Lệ Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Trần Đăng Vạn
- Bà Đặng Thị Thu Oanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hải Yên – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tuyến – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 490/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6739/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 7757/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Phương T1, sinh năm 1983

Hộ khẩu thường trú: số D Xa lộ H, Tổ B, Khu phố C, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Căn hộ I chung cư F - số F Đ, Khu phố C, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1982

Địa chỉ: số C Đại lộ C, Khu phố G, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự đều vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Phương T1 trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thanh S có tìm hiểu nhau, tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận

I nay là thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà sinh sống tại: Căn hộ I chung cư F - số F Đ, Khu phố C, phường P, thành phố T. Quá trình chung sống ngay từ sau khi kết hôn đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông S không lo làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu rồi về chửi mắng, xô xát với vợ và dùng những lời lẽ thô tục, thiếu tôn trọng để nói chuyện với bà T1. Thời gian đầu xung đột không nhiều nhưng càng sống chung thì mâu thuẫn càng nhiều hơn khiến bà T1 cảm thấy mệt mỏi, ngột ngạt, chán nản, lâu dần tình cảm vợ chồng cũng lạnh nhạt, không còn tìm được tiếng nói chung. Bà T1 cùng gia đình chồng nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông S vẫn không thay đổi. Từ tháng 6 năm 2023 đến nay, vợ chồng đã ly thân, không còn sống chung nhà. Trong thời gian ly thân, do không có tiếng nói chung nên hai bên không trao đổi bất cứ chuyện gì. Nay bà T1 cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, không thể hàn gắn đoàn tụ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh S.

Về con chung: Bà T1 xác nhận bà và ông S có 01 người con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2018. Tại Đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 02 năm 2024, bà T1 yêu cầu Tòa án giao con cho ông Nguyễn Thanh S trực tiếp nuôi dưỡng, bà T1 không cấp dưỡng nuôi con. Tại Bản tự khai ngày 23 tháng 4 năm 2024, bà T1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, do quá trình giải quyết vụ án ông S không đến Tòa án nên tại Bản tự khai đề ngày 03 tháng 7 năm 2024, bà T1 xác định lại yêu cầu giải quyết về con chung như sau: bà T1 yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ Nguyễn Gia H; không yêu cầu ông Nguyễn Thanh S cấp dưỡng nuôi con. Bà T1 cho biết bà đang kinh doanh online tại nhà, thu nhập mỗi tháng trung bình khoảng 10.000.000 đồng nên bà đủ điều kiện để lo cho con mà không cần ông S cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T1 tự khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập cho ông Nguyễn Thanh S đến Tòa án để trình bày lời khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông S đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông S và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Trần Thị Phương T1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh S đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn

theo quy định của pháp luật; Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Xác định đúng người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể, về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Phương T1 được ly hôn với ông Nguyễn Thanh S; Về con chung: Giao bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Nguyễn Gia H sinh ngày 06 tháng 8 năm 2018, ông S không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không có; Về án phí: Bà T1 phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời khai của đương sự trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Phương T1 nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh S, ông S có nơi cư trú tại phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Phương T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Thanh S đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

Bà Trần Thị Phương T1 và ông Nguyễn Thanh S tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận I nay là thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56 nên hôn nhân giữa bà T1 và ông S là hợp pháp.

Theo lời khai của bà T1 thì ngay sau khi kết hôn vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông S không lo làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Bà T1 cùng gia đình chồng đã cố gắng khuyên ngăn nhưng ông S đều không thay đổi. Tình trạng mâu thuẫn kéo dài khiến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 6 năm 2023 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên bà T1 yêu cầu được ly hôn với ông S.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Nguyễn Thanh S không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông S không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mặc dù Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định. Điều đó thể hiện việc ông S cố tình bỏ mặc, không còn quan tâm đến hôn nhân giữa ông với bà T1. Xét thấy lời khai của bà T1 là phù hợp với thực tế nêu trên. Mâu thuẫn giữa bà T1 và ông S đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Phương T1 đối với ông Nguyễn Thanh S là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2018. Xét, bà T1 yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, ông S không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, để đảm bảo duy trì sự phát triển ổn định về mọi mặt của trẻ, căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về việc được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con là có căn cứ chấp nhận.

Xét việc bà T1 trình bày có đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T1 tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị Phương T1 phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Phương T1 được ly hôn với ông Nguyễn Thanh S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 56, đăng ký ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận I nay là thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao bà Trần Thị Phương T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2018. Ông Nguyễn Thanh S không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức tiền cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc của người không trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Phương T1 tự khai không có.

**2.** Về án phí: Bà Trần Thị Phương T1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T1 đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng số: 0025489 ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T1 đã nộp đủ án phí.

**3.** Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Lệ Quyên**